

CHÍNH PHỦ
Số: 16/2000/NĐ-CP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 10 tháng 5 năm 2000

NGHỊ ĐỊNH

Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước về chuyển giao công nghệ

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Căn cứ Phần thứ VI Chương III, Bộ Luật Dân sự ngày 28 tháng 10 năm 1995;

Căn cứ Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính ngày 06 tháng 7 năm 1995;

Căn cứ Nghị định số 45/1998/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 1998 quy định chi tiết về chuyển giao công nghệ;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường,

NGHỊ ĐỊNH:

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng

1. Cá nhân, tổ chức quy định tại Điều 5 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính có hành vi cố ý hoặc vô ý vi phạm các quy định trong lĩnh vực quản lý nhà nước về chuyển giao công nghệ, nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự và theo quy định phải bị xử phạt hành chính thì bị xử phạt theo quy định của Nghị định này.

2. Vi phạm hành chính các quy định trong lĩnh vực quản lý nhà nước về chuyển giao công nghệ bao gồm:

a) Các hành vi vi phạm quy định quản lý nhà nước về quyền sở hữu trong lĩnh vực chuyển giao công nghệ; vi phạm các quy định quản lý Nhà nước về chuyển giao

công nghệ trong lĩnh vực văn hóa, quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự và an toàn xã hội;

b) Các hành vi vi phạm quy định quản lý nhà nước về: nội dung, hình thức, thời hạn thực hiện hợp đồng chuyển giao công nghệ quy định tại Điều 4, Điều 8, Điều 15 Nghị định số 45/1998/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 1998 quy định chi tiết về chuyển giao công nghệ (sau đây gọi tắt là Nghị định số 45/1998/NĐ-CP);

c) Các hành vi vi phạm các quy định quản lý nhà nước về: báo cáo quá trình thực hiện hợp đồng với cơ quan quản lý nhà nước, định mức giá thanh toán hợp đồng, phê duyệt, đăng ký hợp đồng chuyển giao công nghệ, nghĩa vụ cung cấp thông tin quy định tại Điều 22, Điều 23, Điều 31, Điều 32, Điều 33, Điều 34 Nghị định số 45/1998/NĐ-CP;

d) Các hành vi cản trở hoạt động thanh tra, kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;

e) Các hành vi vi phạm các quy định quản lý Nhà nước về hoạt động dịch vụ tư vấn chuyển giao công nghệ.

3. Các hợp đồng chuyển giao công nghệ không thuộc diện phải phê duyệt hoặc đăng ký theo quy định của Nghị định số 45/1998/NĐ-CP nhưng các bên tham gia hợp đồng tự nguyện yêu cầu cơ quan quản lý Nhà nước phê duyệt hoặc đăng ký cũng thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định này.

4. Các thuật ngữ về chuyển giao công nghệ sử dụng trong Nghị định này được áp dụng theo quy định tại Điều 2 Nghị định số 45/1998/NĐ-CP.

Điều 2. Nguyên tắc áp dụng các hình thức xử phạt vi phạm hành chính

1. Nguyên tắc xử phạt vi phạm hành chính đối với các hành vi vi phạm của cá nhân và tổ chức trong lĩnh vực quản lý nhà nước về chuyển giao công nghệ thực hiện theo quy định tại Điều 3 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính ngày 06 tháng 7 năm 1995 (sau đây gọi tắt là Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính).

2. Trong trường hợp xử phạt bằng hình thức phạt tiền, mức tiền phạt cụ thể là mức trung bình của khung tiền phạt quy định đối với hành vi đó. Nếu vi phạm có tình tiết giảm nhẹ thì mức tiền phạt có thể giảm xuống thấp hơn mức trung bình, nhưng

không được giảm thấp hơn mức tối thiểu của khung tiền phạt. Nếu vi phạm có tình tiết tăng nặng thì mức tiền phạt có thể tăng lên cao hơn mức trung bình, nhưng không được cao hơn mức tối đa của khung tiền phạt.

3. Tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng được áp dụng theo các Điều 7 và Điều 8 của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính.

4. Cá nhân, tổ chức bị xử phạt vi phạm hành chính, nếu qua một năm, kể từ ngày thi hành xong quyết định xử phạt hoặc từ ngày hết hiệu lực thi hành quyết định xử phạt mà không tái phạm, thì được coi như chưa bị xử phạt vi phạm hành chính.

Điều 3. Hình thức xử phạt đối với hành vi vi phạm hành chính trong chuyển giao công nghệ

1. Hình thức xử phạt chính:

- a) Phạt cảnh cáo: áp dụng đối với những vi phạm nhỏ, lần đầu có tình tiết giảm nhẹ;
- b) Phạt tiền: áp dụng đối với những vi phạm có tính chất, mức độ cao hơn hình thức phạt cảnh cáo. Căn cứ vào tính chất, mức độ vi phạm để quyết định mức phạt tiền theo khung mức phạt đã quy định.

2. Hình thức xử phạt bổ sung:

- a) Tước quyền sử dụng giấy phép liên quan đến hoạt động chuyển giao công nghệ;
- b) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính trong hoạt động chuyển giao công nghệ.

3. Áp dụng các biện pháp khác:

- a) Buộc bồi thường thiệt hại do hành vi vi phạm hành chính gây ra trong hoạt động chuyển giao công nghệ (đối với những thiệt hại đến 1.000.000 đồng do hành vi vi phạm gây ra mà các bên không tự thoả thuận được thì người có thẩm quyền xử phạt quyết định mức bồi thường). Những thiệt hại từ trên 1.000.000 đồng được giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự;
- b) Buộc thực hiện các biện pháp khắc phục ô nhiễm môi trường do hành vi vi phạm hành chính gây ra;
- c) Buộc tiêu huỷ sản phẩm được sản xuất ra từ công nghệ được chuyển giao gây hại đối với sức khoẻ con người, môi trường, gây hậu quả xấu đến văn hoá.

Điều 4. Thời hiệu xử phạt đối với hành vi vi phạm hành chính

1. Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính trong chuyển giao công nghệ là hai năm kể từ ngày hành vi vi phạm hành chính được thực hiện đối với hoạt động chuyển giao công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam, từ Việt Nam ra nước ngoài; thời hiệu được tính là một năm đối với hoạt động chuyển giao công nghệ trong nước. Nếu quá thời hạn nói trên thì không xử phạt, nhưng có thể áp dụng các biện pháp quy định tại các điểm b và c khoản 3, Điều 3 Nghị định này.

2. Đối với cá nhân vi phạm pháp luật trong hoạt động chuyển giao công nghệ bị khởi tố, truy tố hoặc có quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục tố tụng hình sự, nhưng sau đó có quyết định đình chỉ điều tra hoặc đình chỉ vụ án, thì bị xử phạt hành chính nếu vi phạm các quy định nêu tại Nghị định này; thời hiệu xử phạt hành chính là ba tháng kể từ ngày nhận được quyết định đình chỉ.

3. Trong thời hạn được quy định tại khoản 1 và khoản 2 của Điều này, nếu tổ chức, cá nhân có vi phạm hành chính mới hoặc cố tình trốn tránh, cản trở việc xử phạt thì không áp dụng thời hiệu nói tại khoản 1 và khoản 2 điều này. Thời hiệu được tính lại kể từ thời điểm thực hiện vi phạm hành chính mới hoặc thời điểm chấm dứt hành vi trốn tránh, cản trở việc xử phạt.

Chương II

HÀNH VI VI PHẠM, HÌNH THỨC VÀ MỨC PHẠT

Điều 5. Hành vi vi phạm quyền sở hữu trong chuyển giao công nghệ

1. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với bên giao công nghệ, trong trường hợp hợp đồng chuyển giao công nghệ không phải phê duyệt, nhưng bên giao công nghệ không phải là chủ sở hữu hợp pháp của công nghệ, hoặc không phải là người được chủ sở hữu hợp pháp uỷ quyền chuyển giao quyền sử dụng công nghệ và gây thiệt hại cho bên nhận công nghệ.

2. Áp dụng các biện pháp khác: buộc bồi thường thiệt hại đối với trường hợp vi phạm khoản 1 của Điều này.

Điều 6. Hành vi lợi dụng quyết định phê duyệt hợp đồng chuyển giao công nghệ; hành vi vi phạm các quy định quản lý Nhà nước về chuyển giao công nghệ trong lĩnh

vực văn hoá, quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự và an toàn xã hội.

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi lợi dụng quyết định phê duyệt hợp đồng chuyển giao công nghệ để thực hiện những hành vi trái pháp luật.

2. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi thực hiện hợp đồng chuyển giao công nghệ thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh quốc gia khi chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép chuyển giao công nghệ này.

3. Phạt tiền từ 70.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi thực hiện hợp đồng chuyển giao công nghệ thuộc diện không phải phê duyệt hợp đồng, nhưng công nghệ chuyển giao có tác động và gây hậu quả xấu đến văn hoá, quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự và an toàn xã hội.

4. Hình thức xử phạt bổ sung và biện pháp khác:

a) Tước quyền sử dụng đến 6 tháng giấy phép liên quan đến hợp đồng chuyển giao công nghệ đối với hành vi vi phạm nêu tại khoản 1 Điều này;

b) Buộc tiêu huỷ các sản phẩm được sản xuất ra từ thực hiện hợp đồng chuyển giao công nghệ nêu tại khoản 2 và 3 của Điều này có tác động và gây hậu quả xấu đến văn hoá, tịch thu tang vật, phương tiện sử dụng để thực hiện hợp đồng chuyển giao công nghệ có hành vi vi phạm nêu tại khoản 3 của Điều này.

Điều 7. Hành vi vi phạm các quy định quản lý nhà nước về: đăng ký hợp đồng, phê duyệt hợp đồng chuyển giao công nghệ; hành vi thực hiện hợp đồng đã bị vô hiệu, hoặc hợp đồng có nội dung bị cấm trong lĩnh vực chuyển giao công nghệ

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Thực hiện các hợp đồng chuyển giao công nghệ thuộc diện phải đăng ký mà không đăng ký; thuộc diện phải được phê duyệt mà không trình cấp có thẩm quyền phê duyệt;

b) Không đăng ký hoặc xin phê duyệt bổ sung khi sửa đổi, bổ sung từng phần nội dung hợp đồng đối với các hợp đồng thuộc diện phải đăng ký hoặc phải được phê duyệt;